

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2023/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật tổ chức thực hiện
đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định về một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ

cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh *(kèm theo phụ lục)*.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý cấp trên (cơ quan chủ quản); Cơ quan quản lý nhà nước được ủy quyền quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị tổ chức thực hiện đấu giá và các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hoạt động tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11 năm 2023.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB QPPL);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, các phòng, Trung tâm thuộc VP;
- Lưu: VT, NN *05*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Handwritten signature in blue ink.

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT TỔ CHỨC THỰC HIỆN
ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **24** /2023/QĐ-UBND
ngày **01** tháng **11** năm **2023** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật này là căn cứ để xây dựng đơn giá và dự toán kinh phí thực hiện hoạt động tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

2. Các khoản chi phí gồm: Chi phí chung; chi phí khác (chi phí khảo sát, thiết kế lập dự toán; chi phí kiểm tra, nghiệm thu...) được tính theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm định mức lao động, định mức vật tư và định mức công tác phí.

a) Định mức lao động là mức tiêu hao lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Nội dung của định mức lao động kỹ thuật: Là lao động được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ theo chuyên ngành về tài nguyên và môi trường và các ngành nghề khác có liên quan, gồm: Quản lý đất đai, trắc địa bản đồ, xây dựng, Luật, kinh tế....

- Thành phần định mức lao động gồm:

+ Nội dung công việc: Liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính thực hiện các bước công việc.

+ Định biên: Quy định số lượng lao động kỹ thuật; loại và cấp bậc lao động kỹ thuật thực hiện công việc theo tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành tài nguyên và môi trường và quy định chung về các ngạch tương đương như: Kỹ sư (KS) và kỹ thuật viên (KTV);

+ Định mức: Quy định thời gian lao động trực tiếp cần thiết hoàn thành thực hiện một bước công việc, đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm, ngày công (ca) tính bằng 8 giờ làm việc.

- Công lao động bao gồm:

+ Công đơn (công cá nhân): Là mức (8 giờ đối với lao động bình thường và 6 giờ đối với lao động nặng nhọc) lao động xác định cho một cá nhân có cấp bậc kỹ thuật cụ thể, trực tiếp thực hiện một bước công việc tạo ra sản phẩm;

+ Công nhóm: Là mức lao động xác định cho một nhóm người có cấp bậc kỹ thuật cụ thể, trực tiếp thực hiện một bước công việc tạo ra sản phẩm;

+ Công tháng: Là mức lao động xác định cho một người hoặc một nhóm người có cấp bậc kỹ thuật cụ thể, trực tiếp thực hiện một bước hoặc một phần công việc tạo ra sản phẩm trong tháng.

- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

Tùy thuộc vào khối lượng công việc và thời gian thực hiện nhiệm vụ có thể bố trí một hoặc nhiều nhóm lao động có định biên theo quy định của định mức này để hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ.

b) Định mức vật tư: Là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên vật liệu cần thiết để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công để đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nội dung định mức sử dụng vật liệu gồm:

- Vật liệu là số lượng vật liệu cần thiết để thực hiện công việc.

- Số lượng vật liệu cần thiết để thực hiện tương ứng với định mức lao động.

c) Định mức công tác phí: Là khoản chi phí để trả cho người đi công tác trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, bao gồm:

- Chi phí đi lại (nhiên liệu): Được tính theo mức hỗ trợ trung bình cho từng huyện, thị xã, thành phố.

- Chi phí phụ cấp lưu trú cho cán bộ viên chức và người lao động được cử đi công tác thực hiện nhiệm vụ tại các huyện, thị xã, thành phố sẽ được thanh toán theo quy định tại Nghị quyết số 48/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Từ ngữ viết tắt

Từ viết tắt	Diễn giải
KS3	Kỹ sư bậc 3
KS4	Kỹ sư bậc 4
KS5	Kỹ sư bậc 5
KS6	Kỹ sư bậc 6
KTV4	Kế toán viên bậc 4

Phần II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Thành phần công việc gồm 02 nội dung: Lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đối với khu đất có giá trị đến 02 tỷ đồng, định mức tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được xác định như sau:

STT	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức (công nhóm/01 khu đất trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
*	Lập Phương án đấu giá				
1	Lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt				
1.1	Kiểm tra lại ranh giới, hiện trạng sử dụng khu đất và phối hợp với địa phương xử lý một số vướng mắc phát sinh (nếu có)	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công		2
		Vật liệu:			
		Thước dây	cái		0,4
		Bút bi	cây		0,2
		Sổ ghi chép	cuốn		0,2
		Chi phí đi lại: Xăng A92, cụ thể:			
		+ Tại thành phố Trà Vinh	lít		00
		+ Tại huyện Châu Thành	lít		2,0
		+ Tại huyện Càng Long	lít		3,0
		+ Tại huyện Tiểu Cần và huyện Cầu Ngang	lít		4,0
		+ Tại huyện Trà Cú	lít		5,0
		+ Tại huyện Cầu Kè	lít		6,0
		+ Tại thị xã Duyên Hải	lít		7,0
		+ Tại huyện Duyên Hải	lít		8,0
	Chi phí phụ cấp lưu trú	ngày/ 02 người			2
1.2	Thu thập, rà soát hồ sơ, cơ sở pháp lý để lập Phương án	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công	6	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram		0,3
		Mực in A4 Laser	hộp		0,1

STT	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức (công nhóm/01 khu đất trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		Ghim bấm	hộp	0,2	
		Bút bi	cây	0,2	
1.3	Dự thảo Phương án lấy ý kiến các sở, ngành liên quan	Công LĐKT: Nhóm 3 (01KS3 + 01KS4 + 01KS5)	công	6	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,2	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,07	
		Ghim bấm	hộp	0,2	
		Bút bi	cây	0,15	
1.4	Tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh phương án	Công LĐKT: Nhóm 4 (01KS3 + 01KS4 + 01KTV4 + 01KS5)	công	3	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,12	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,04	
2	Trình cấp thẩm quyền phê duyệt phương án	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công	1	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,1	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,03	
	Tổ chức thực hiện đấu giá				
	Trường hợp đấu giá thành				
3	Chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất				
3.1	Chuẩn bị hồ sơ của các thửa đất đấu giá gửi đến cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS4)	công	5	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,2	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,07	
		Ghim bấm	hộp	0,2	

STT	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức (công nhóm/01 khu đất trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
3.2	Đơn vị được giao tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trình cấp thẩm quyền quyết định đưa thửa đất ra đấu giá	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công	1	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,05	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,02	
4	Tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm của thửa đất đấu giá	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công	1	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,05	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,02	
5	Báo cáo cấp thẩm quyền quyết định bước giá để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công	4	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,15	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,05	
6	Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp				
6.1	Lập hồ sơ, ban hành khung tiêu chí và thông báo công khai tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản	Công LĐKT: Nhóm 3 (01KS3 + 01KS4 + 01KS5)	công	6	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,25	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,08	
6.2	Đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản	Công LĐKT: Nhóm 4 (01KS3 + 01KS4 + 01KTV4 + 01KS5)	công	3	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,3	

STT	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức (công nhóm/01 khu đất trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		Mực in A4 Laser	hộp	0,1	
		Ghim bấm	hộp	0,2	
6.3	Thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS4 + 01KS5)	công	1	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,08	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,03	
6.4	Ký hợp đồng với đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá theo quy định	Công LĐKT: Nhóm 3 (01KTV4 + 01KS4 + 01KS5)	công	2	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,2	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,06	
		Ghim bấm	hộp	0,08	
7	Phối hợp đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá tổ chức thông báo về việc bán đấu giá tài sản; Ban hành Quy chế cuộc bán đấu giá; Thực hiện việc niêm yết đấu giá tài sản và đăng tải thông tin về việc đấu giá tài sản theo quy định	Công LĐKT: Nhóm 3 (01KS3 + 01KS4 + 01KS5)	công	4	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,16	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,05	
		Ghim bấm	hộp	0,06	
8	Xét hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá	Công LĐKT: Nhóm 4 (01KS3 + 01KS4 + 01KTV4 + 01KS5)	công	4	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,18	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,06	
		Ghim bấm	hộp	0,10	
9	Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS4 + 01KS5)	công		1
		Chi phí đi lại: Xăng A92			

STT	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức (công nhóm/01khu đất trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		+ Tại thành phố Trà Vinh	lít		00
		+ Tại huyện Châu Thành	lít		2,0
		+ Tại huyện Càng Long	lít		3,0
		+ Tại huyện Tiểu Cần và huyện Cầu Ngang	lít		4,0
		+ Tại huyện Trà Cú	lít		5,0
		+ Tại huyện Cầu Kè	lít		6,0
		+ Tại thị xã Duyên Hải	lít		7,0
		+ Tại huyện Duyên Hải	lít		8,0
		Chi phí phụ cấp lưu trú	ngày/ 02người		1
10	Báo cáo về kết quả thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KTV4 + 01KS4)	công	2	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,1	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,03	
11	Tổ chức ký hợp đồng giữa chủ tài sản và người trúng đấu giá (theo Điều 46 Luật Đấu giá tài sản 2016)	Công LĐKT: Nhóm 3 (01KS3 + 01KS4 + 01KS5)	công	2	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,15	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,05	
12	Trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá đấu giá quyền sử dụng đất	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS4 + 01KS5)	công	2	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,08	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,03	
*	Trường hợp đấu giá không thành				
13	Chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất				

STT	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức (công nhóm/01 khu đất trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
13.1	Chuẩn bị hồ sơ của các thửa đất đấu giá gửi đến cơ quan tài nguyên và môi trường thẩm định	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS4)	công	5	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,2	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,07	
		Ghim bấm	hộp	0,2	
13.2	Đơn vị được giao tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trình cấp thẩm quyền quyết định đưa thửa đất ra đấu giá	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công	1	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,05	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,02	
14	Tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm của thửa đất đấu giá.	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công	1	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,05	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,02	
15	Báo cáo cấp thẩm quyền quyết định bước giá để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS3 + 01KS5)	công	4	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,15	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,05	
16	Lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp				
16.1	Lập hồ sơ, ban hành khung tiêu chí và thông báo công khai tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản	Công LĐKT: Nhóm 3 (01KS3 + 01KS4 + 01KS5)	công	6	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,25	

STT	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức (công nhóm/01 khu đất trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		Mực in A4 Laser	hộp	0,08	
		Ghim bấm	hộp	0,2	
16.2	Đánh giá, chấm điểm theo tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản	Công LĐKT: Nhóm 4 (01KS3 + 01KS4 + 01KTV4 + 01KS5)	công	3	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,3	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,1	
		Ghim bấm	hộp	0,2	
16.3	Thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản	Công LĐKT: Nhóm 2 (01KS4 + 01KS5)	công	1	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,08	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,03	
16.4	Ký hợp đồng với đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá theo quy định	Công LĐKT: Nhóm 3 (01KTV4 + 01KS4 + 01KS5)	công	2	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,2	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,06	
		Ghim bấm	hộp	0,08	
17	Phối hợp đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá tổ chức thông báo về việc bán đấu giá tài sản; Ban hành Quy chế cuộc bán đấu giá; Thực hiện việc niêm yết đấu giá tài sản và đăng tải thông tin về việc đấu giá tài sản theo quy định	Công LĐKT: Nhóm 3 (01KS3 + 01KS4 + 01KS5)	công	4	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,16	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,05	
		Ghim bấm	hộp	0,06	
18	Xét hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá	Công LĐKT: Nhóm 4 (01KS3 + 01KS4 + 01KTV4 + 01KS5)	công	4	

STT	Nội dung công việc	Thành phần hao phí	Đơn vị tính	Định mức (công nhóm/01 khu đất trung bình)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,18	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,06	
		Ghim bấm	hộp	0,10	
19	Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định	Công LDKT: Nhóm 2 (01KS4 + 01KS5)	công		1
		Chi phí đi lại: Xăng A92, cụ thể:			
		+ Tại thành phố Trà Vinh	lít		00
		+ Tại huyện Châu Thành	lít		2,0
		+ Tại huyện Càng Long	lít		3,0
		+ Tại huyện Tiểu Cần và huyện Cầu Ngang	lít		4,0
		+ Tại huyện Trà Cú	lít		5,0
		+ Tại huyện Cầu Kè	lít		6,0
		+ Tại thị xã Duyên Hải	lít		7,0
		+ Tại huyện Duyên Hải	lít		8,0
		Chi phí phụ cấp lưu trú	ngày/ 02 người		1
20	Báo cáo về kết quả thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất	Công LDKT: Nhóm 2 (01KTV4 + 01KS4)	công	2	
		Vật liệu:			
		Giấy A4	gram	0,1	
		Mực in A4 Laser	hộp	0,03	

Ghi chú:

Chi phí tiền đi lại và phụ cấp lưu trú cho công tác kiểm tra lại ranh giới, hiện trạng sử dụng khu đất và công tác tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, như sau:

- Định mức chi phí đi lại (*nhiên liệu*): Định mức đã bao gồm cả lượt đi và lượt về.

- Định mức chi phí phụ cấp lưu trú nêu trên tính theo tiết 2.2 khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 48/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối với các khu đất có giá trị trên 02 tỷ đồng thì định mức được xác định tương tự như Bảng định mức nêu trên và tại các mục: Mục 1; điểm 3.1 mục 3; mục 6, mục 7, mục 8, mục 9; điểm 13.1 mục 13; mục 16, mục 17, mục 18, mục 19 nhân với hệ số K, cụ thể như sau:

+ Đối với khu đất có giá trị từ trên 02 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng thì nhân với hệ số $K = 1,5$.

+ Đối với khu đất có giá trị từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng thì nhân với hệ số $K = 2,5$.

+ Đối với khu đất có giá trị từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng thì nhân với hệ số $K = 3,5$.

+ Đối với khu đất có giá trị trên 100 tỷ đồng thì nhân với hệ số $K = 4,5$.